

Số: 1302/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Liên lạc với người
Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk, khóa III (nhiệm kỳ 2015-2020)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 23/BTV-HLL ngày 04/4/2016 của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk, khóa III (nhiệm kỳ 2015-2020);

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 245/TTr-SNV ngày 21/4/2016;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk, khóa III (nhiệm kỳ 2015-2020), gồm 8 Chương, 25 Điều đã được Đại hội Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk thông qua ngày 29/3/2016 (có bản Điều lệ đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Các PCVP Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Luu: VT, TH (Ph 18b).

CHỦ TỊCH

Đã ký

Phạm Ngọc Nghị

Số: 1302/QĐ/UBND

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 5 năm 2016

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)
HỘI LIÊN LẠC VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TỈNH ĐẮK
LẮK, KHÓA III (NHIỆM KỲ 2015-2020).**

*(Kèm theo Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 11 /5/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Đắk Lắk.

2. Tên tiếng nước ngoài: Dak Lak Association for Liaison With Overseas Vietnamese - (viết tắt DALOV).

3. Tên viết tắt: HLLVNVNÖNN.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội LLVNVNÖNN tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Tỉnh hội) là một tổ chức xã hội rộng rãi, tự nguyện của những thân nhân, kiều bào đang thường trú tại tỉnh Đắk Lắk; những tổ chức, cá nhân trong tỉnh có tâm huyết, điều kiện tham gia công tác hội; mục đích của hội là làm cầu nối giữa thân nhân kiều bào trong tỉnh với người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào nắm được thông tin về tình hình trong nước; đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện để kiều bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng tỉnh nhà vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đồng thời góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của kiều bào ở nước ngoài và khi về nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ hội đã được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trụ sở của hội đặt tại địa chỉ: Số 05 đường Quang Trung, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk, lĩnh vực hoạt động đối ngoại nhân dân, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài của tỉnh.

Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động, Nhà nước hỗ trợ theo quy định hội đặc thù.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn.

1. Tuyên truyền mục đích của hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động, được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.
7. Thành lập pháp nhân trực thuộc hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội, theo Điều lệ hội đã được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt; không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn của hội viên

Hội viên của hội gồm: hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự, trong đó:

Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực liên quan, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và tán thành Điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, có thể trở thành hội viên chính thức của hội.

Hội viên danh dự: Hội có thể mời những kiều bào ở nước ngoài tâm huyết với các hoạt động của hội làm hội viên danh dự.

Hội viên liên kết: Là những người đang tham gia sinh hoạt ở các cấp Hội huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức hội ở cấp huyện, thị xã, thành phố.

Điều 9. Quyền của hội viên

Được hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Được hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội, được tham gia các hoạt động do hội tổ chức.

Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của hội theo quy định của hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra hội theo quy định của hội.

Được giới thiệu hội viên mới.

Được khen thưởng theo quy định của hội.

Được cấp thẻ hội viên.

Được ra khỏi hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của hội.

Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng hội phát triển vững mạnh.

Bảo vệ uy tín của hội, không được nhân danh hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo hội phân công bằng văn bản.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của hội. 5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng thời gian theo quy định của hội.

Đóng hội phí đầy đủ và đúng thời gian theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội

Thủ tục: Đơn đăng ký tham gia hội.

Thẩm quyền kết nạp hội viên: Ban Chấp hành hội các cấp.

Thủ tục ra khỏi hội do Ban Chấp hành các cấp hội quyết định

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của hội

Đại hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội

Ban Chấp hành Tỉnh hội

Ban Thường vụ Tỉnh hội

Thường trực Tỉnh hội

Ban Kiểm tra Tỉnh hội

Văn phòng, các ban chuyên môn

Các tổ chức thuộc hội;

Hội cấp huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn.

Điều 13. Đại hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường; đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần, đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

Nhiệm vụ của đại hội:

Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của hội;

Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội (nếu có);

Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của hội;

Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra; đ) Các nội dung khác (nếu có);

Thông qua Nghị quyết đại hội.

Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định;

Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Tỉnh hội

Ban Chấp hành hội do đại hội bầu trong số các hội viên của hội; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định; nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ đại hội.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội, Điều lệ hội, lãnh đạo mọi hoạt động của hội giữa hai kỳ đại hội;

Chuẩn bị và quyết định triệu tập đại hội;

Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của hội;

Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các Quy định trong nội bộ hội phù hợp với quy định của Điều lệ hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá $\frac{1}{3}$ so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được đại hội quyết định.

Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế đã được xây dựng, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội;

Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ;

Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có $\frac{2}{3}$ ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp; Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{2}{3}$ tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Tỉnh hội

Ban Thường vụ hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ đại hội.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội, Điều lệ hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc hội.

Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội;

Ban Thường vụ mỗi quý họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch hội;

Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định; Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

Điều 16. Thường trực Tỉnh hội, gồm:

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.

Điều 17. Ban Kiểm tra hội

Ban Kiểm tra Tỉnh hội, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do đại hội quyết định; nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ đại hội.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ hội, Nghị quyết đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc hội, hội viên;

Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến hội.

* Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội

Chủ tịch hội là đại diện pháp nhân của hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội; Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội; tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban Chấp hành hội quy định.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội:

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội;

Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội về mọi hoạt động của hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của hội theo quy định Điều lệ hội; Nghị quyết đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội;

Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

b) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của hội; chủ tài khoản của hội;

đ) Khi Chủ tịch hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hội. Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội; tiêu chuẩn Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch hội chỉ đạo, điều hành công tác của hội theo sự phân công của Chủ tịch hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

Chương V.

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể hội

Việc chia, tách; sáp nhập, hợp nhất; đổi tên và giải thể hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI.

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của hội

Tài chính của hội

Nguồn thu của hội

Lệ phí gia nhập hội, hội phí hàng năm của hội viên;

Thu từ các hoạt động của hội theo quy định của pháp luật;

Tiền tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

Các khoản thu hợp pháp khác.

Các khoản chi của hội

Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;

Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội theo quy định của Ban Chấp hành hội phù hợp với quy định của pháp luật;

Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

Tài sản của hội

Tài sản của hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của hội; tài sản của hội được hình thành từ nguồn kinh phí của hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội

Tài chính, tài sản của hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của hội.

Tài chính, tài sản của hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên có thành tích xuất sắc được hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Điều 23. Kỷ luật

Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi tổ chức hội.

Ban Chấp hành hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội

Chỉ có Đại hội Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội phải được 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh, khóa II (nhiệm kỳ 2015-2020), gồm 8 Chương 25 Điều đã được Đại hội Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh thông qua ngày 29/3/2016 và có hiệu lực kể từ khi được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ quy định pháp luật về tổ chức hội và Điều lệ hội, Ban Chấp hành Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Ngọc Nghị